

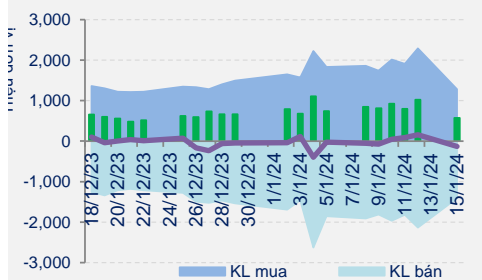
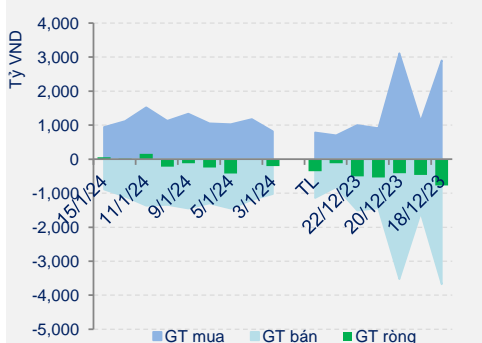
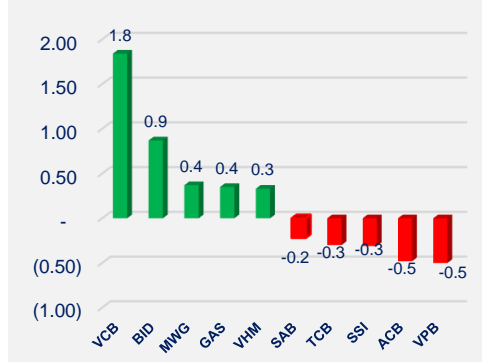
MARKET LENS

15/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,154.12	227.55
% Thay đổi	↓ -0.05%	↓ -1.20%
KLGD (CP)	570,907,833	65,446,052
GTGD (tỷ đồng)	12,628.69	1,212.43
Tổng cung (CP)	1,410,254,454	124,441,700
Tổng cầu (CP)	1,283,413,203	99,508,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	25,233,964	658,557
KL mua (CP)	27,653,966	754,730
GT mua (tỷ đồng)	947.29	18.31
GT bán (tỷ đồng)	892.35	15.34
GT ròng (tỷ đồng)	54.94	2.98

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau tuần giao dịch chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá hỗ trợ quanh 1.150 điểm. VN-INDEX có phiên giao dịch đầu tuần tiếp tục có diễn biến kém tích cực khi đầu phiên tăng điểm lên vùng giá 1.165, sau đó chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng 1.150 điểm. Kết phiên VN-INDEX giảm 0,58 điểm (-0,05%) về mức 1.154,12 điểm. HNX-INDEX tiêu cực hơn khi giảm 2,76 điểm (-1,20%) về mức 227,55 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực với áp lực bán gia tăng ở nhiều mã khi có 407 mã giảm giá (12 mã giảm sàn), 242 mã tăng giá (09 mã tăng trần) và 135 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 13.835,23 tỷ đồng, giảm mạnh khá bất ngờ so với mức trung bình 21.500 tỷ đồng của tuần trước, dưới mức trung bình với khối lượng giao dịch của VNINDEX giảm 46,08% so với phiên trước. Khối ngoại cũng giảm giao dịch và mua ròng nhẹ 54,41 tỷ đồng trên HOSE, trong đó mua ròng ở nhóm thép, ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 2,98 tỷ đồng.

Hôm nay ngày 15/01/2024, Quốc hội đã khai mạc Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV. Tại kỳ họp Quốc hội sẽ xem xét, thông qua Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi); Dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bên cạnh đó, Quốc hội cũng sẽ xem xét và bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau tuần giao dịch khá tích cực với thanh khoản rất đột biến đã có diễn biến phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản suy giảm trên mức trung bình như NVB (-3,36%), EIB (-2,53%), ABB (-2,35%), ACB (-1,94%)... ngoài các mã tăng giá với OCB (+2,68%), VCB (+1,47%), BID (+1,30%)...

Trong khi nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến kém tích cực khi hầu hết tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh với FTS (-2,84%), CTS (-2,82%), SSI (-2,51%), AGR (-2,41%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến kém tích cực khi đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản giảm dưới mức trung bình với FIR (-2,93%), CEO (-2,27%), PDR (-2,17%), HDG (-1,80%)....

Các nhóm ngành khác đa số cũng tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản giảm như bất động sản khu công nghiệp D2D (-2,12%), DTD (-1,64%), KBC (-1,46%)... thủy sản ANV (-2,94%), VHC (-2,14%), FMC (-1,34%).... nông nghiệp chăn nuôi HNG (-5,51%), HAG (-3,62%), DBC (-2,55%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 giảm 3,2 điểm (-0,27%), chênh lệch dương 1,4 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm mạnh 40,95% so với phiên trước, khối lượng mở OI xu hướng giảm, cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm mạnh và thị trường đang dần dịch chuyển sang kỳ hạn VN30F2402 khi kỳ hạn VN30F2401 sẽ đáo hạn trong 03 phiên đến. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,8 điểm đến 2,7 điểm. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương so với VN30, thể hiện các trader vẫn lạc quan về xu hướng tăng ngắn hạn của VN30 và phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 khi ngắn hạn VN30 đang vùng quá mua.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Như chúng tôi đã nhận định, phiên cuối tuần trước Vn-Index đã test lại hỗ trợ 1.150 điểm và chưa xác nhận thành công, phiên hôm nay thị trường tiếp tục xu hướng này. VnIndex chốt phiên giảm -0,58 điểm (-0,05%) và đóng cửa ở 1.154,12 điểm. Trong ngắn hạn mặc dù đà tăng của VnIndex đang chững lại nhưng thị trường vẫn vận động chặt chẽ trên vùng hỗ trợ 1.150 điểm và quá trình test lại ngưỡng hỗ trợ kênh tích lũy trung hạn chưa xác nhận thành công. Tuy nhiên với động lực vận động trên nền tảng tích lũy ngắn hạn tốt chúng tôi kỳ vọng VnIndex sẽ test thành công ngưỡng cản này để tiến vào khu vực kỳ vọng tích lũy trung hạn.

Về trung hạn VnIndex sẽ cần tiến tới khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường đang trong nhịp tăng ngắn hạn và thoát khỏi kênh tích lũy đồng thời vượt kháng cự ngắn hạn 1.150 điểm, tuy nhiên VnIndex đang có xu hướng test lại ngưỡng này đúng như các bản tin đã phân tích và dự báo. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng khi VnIndex chưa xác nhận test hỗ trợ thành công. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

15/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	32.70	31-33	38-39	29	8.1	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.15	25-26.3	29.5-30.5	23	13.8	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.10	22.3	28-28.5	25	12.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.00	45.1	52-53	48	6.4%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.30	27.55	30-31	26.5	-0.9%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.35	18.09	23-24	19	7.0%	Nắm giữ
4/1/2024	VSC	28.50	29.55	34-35	30	-3.6%	Bán

TIN VĨ MÔ

Đề xuất Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) có hiệu lực từ 1/1/2025, gia hạn nghị quyết xử lý nợ xấu

Thay vì Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 như Dự thảo trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất lùi tới 1/1/2025. Đồng thời, kiến nghị chuyển tiếp đối với Nghị quyết số 42/2017/QH14 về xử lý nợ xấu từ 1/1/2024.... Chiều 15/1, Quốc hội thảo luận và cho ý kiến đối với dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi). Theo ông Vũ Hồng Thanh, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Dự thảo Luật sau khi tiếp thu, chỉnh lý gồm 15 chương và 210 điều (tăng 7 điều so với dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6). Một trong những vấn đề lớn được các ngân hàng quan tâm hiện nay là vấn đề xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm (Chương XII).

CIEM: Tăng trưởng GDP năm 2024 có thể lên mức 6,48%

Với nền tảng đạt được trong năm 2023, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) cho rằng tăng trưởng GDP năm 2024 sẽ dao động từ 6,13% (kịch bản 1) tới 6,48% (kịch bản 2)... Báo cáo Kinh tế Việt Nam năm 2023 và Triển vọng năm 2024 được CIEM công bố ngày 15/1 cho thấy, sau nửa đầu năm 2023 với nhiều khó khăn, kinh tế quý 3/2023 và quý 4/2023 đã tăng tốc trở lại với sự phục hồi đáng kể của ngành công nghiệp – xây dựng.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Sớm áp thuế cao với người có nhiều nhà, đất

Chính phủ cần khẩn trương đề xuất quy định mức thuế cao hơn với người sử dụng nhiều nhà, đất, đầu cơ đất, theo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến về dự án Luật Đất đai sáng 15/1, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế Vũ Hồng Thanh cho biết cần sớm áp mức thuế cao hơn với người có nhiều nhà, đất nhằm điều tiết chênh lệch địa tô có được do quy hoạch của nhà nước. Chủ trương áp thuế cao với những trường hợp trên cũng được Trung ương nêu trong Nghị quyết 18 giữa năm 2022. Tuy nhiên, đến nay chủ trương này vẫn chưa được thể chế hóa thành các điều luật cụ thể.

Tiền gửi tại ngân hàng tăng đột biến

Theo số liệu được Ngân hàng Nhà nước công bố tại Hội nghị ngành ngân hàng ngày 8/1, lượng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng của cư dân và các tổ chức kinh tế đến cuối năm 2023 đã đạt hơn 13,5 triệu tỷ đồng (tăng trưởng 13,2% so với cuối năm 2022), là cao nhất trong lịch sử ngành ngân hàng. Theo đó, trong năm 2023, tiền gửi của cư dân và các tổ chức kinh tế đã tăng thêm 1,68 triệu tỷ đồng – mức tăng cao nhất từ trước đến nay, và ước tính riêng quý 4 tăng trên 800.000 tỷ đồng. Nếu so với năm 2022, lượng tiền gửi tăng thêm trong năm 2023 cao gần gấp đôi.

TIN DOANH NGHIỆP

"Ông lớn" ngành nước Biwase hé lộ lợi nhuận 2023 sau một năm mạnh tay M&A

Năm 2023, lãi sau thuế của Biwase ước đạt 601 tỷ đồng, giảm 12% so với năm 2022 và thực hiện hơn 83% kế hoạch năm. Dù vậy, Công ty cho rằng con số lợi nhuận này nằm trong dự kiến và an toàn kinh doanh, cổ tức. CTCP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương (Biwase, HOSE: BWE) vừa công bố sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2023. Theo đó, sản lượng nước tiêu thụ đạt hơn 183.5 triệu m³, tăng nhẹ 1% so với năm 2022 và thực hiện được 99% kế hoạch năm. Tổng công suất hiện có tăng 8% lên 822,000 m³/ngày đêm. Tỷ lệ thất thoát nước giữ nguyên mức 5%, hoàn thành kế hoạch.

Agimexpharm giảm nhẹ lãi quý 4, không đạt kế hoạch năm

CTCP Dược phẩm Agimexpharm (UPCoM: AGP) công bố BCTC quý 4/2023 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều giảm nhẹ so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm, lãi tăng nhẹ. Trong quý 4, AGP đạt 204 tỷ đồng doanh thu, giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ. Khấu trừ giá vốn, lãi gộp đạt 61 tỷ đồng, giảm 3%. Chỉ tiêu gây tác động nhiều nhất đến kết quả kinh doanh trong kỳ của AGP là chi phí tài chính, ghi nhận 9.8 tỷ đồng, gấp gần 4 lần cùng kỳ. Sau cùng, Doanh nghiệp lãi sau thuế gần 10 tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ 4%.

Petrolimex ước lãi gần 3.600 tỷ đồng năm 2023

Tại Hội nghị báo cáo, về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023, ông Đào Nam Hải, Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex - Mã: PLX) cho biết tổng doanh thu hợp nhất ước đạt 268.000 tỷ đồng, hoàn thành 144% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 3.580 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch năm. Trong đó, lợi nhuận kinh doanh xăng dầu ước đạt 1.430 tỷ đồng, đạt 132% mục tiêu. Lợi nhuận khác ước đạt 2.150 tỷ đồng, chiếm 60% tổng lợi nhuận hợp nhất. Tổng công ty nộp ngân sách nhà nước khoảng 34.300 tỷ đồng, vượt 39% kế hoạch năm. So với kết quả năm 2022, chỉ tiêu doanh thu ước tính của năm 2023 giảm 12% nhưng lợi nhuận trước thuế tăng gần 58% so với mức nền thấp của năm trước đó.

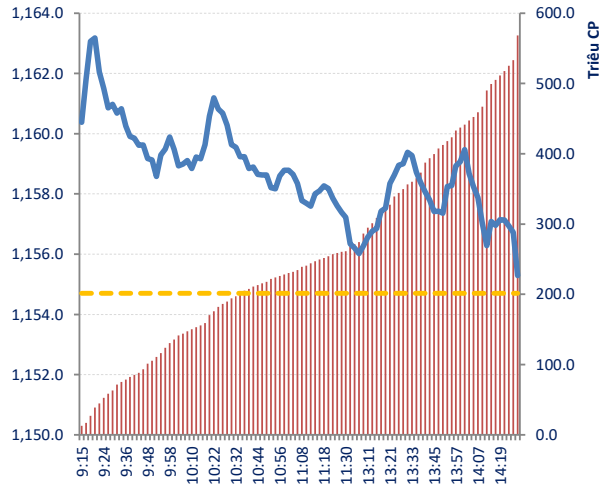
Thuận Đức sắp huy động hơn 400 tỷ từ cả kênh cổ phiếu và trái phiếu

Ngày 12/01/2024, CTCP Thuận Đức (HOSE: TDP) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán gần 7.6 triệu cp ra công chúng, dự kiến huy động hơn 113 tỷ đồng để thanh toán các khoản nợ vay. Ngoài ra, TDP cũng có kế hoạch huy động 300 tỷ đồng bằng kênh trái phiếu, cũng để thanh toán các khoản nợ cũ đến hạn. Cụ thể, TDP sẽ chào bán gần 7.6 triệu cp ra công chúng với giá dự kiến 15,000 đồng/cp, thấp hơn 48% so với thị giá kết phiên 12/01 là 28,950 đồng/cp.

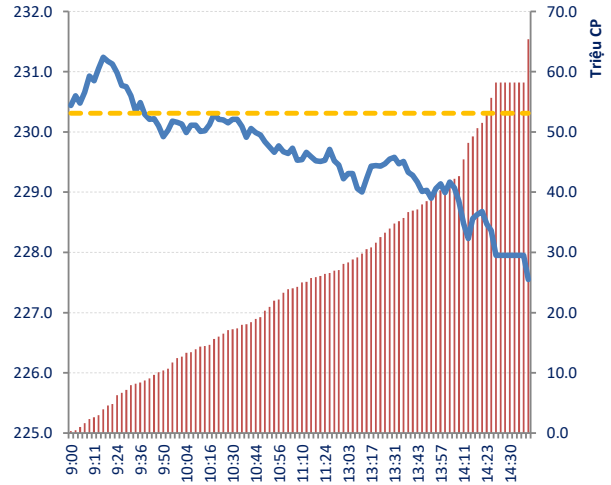


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

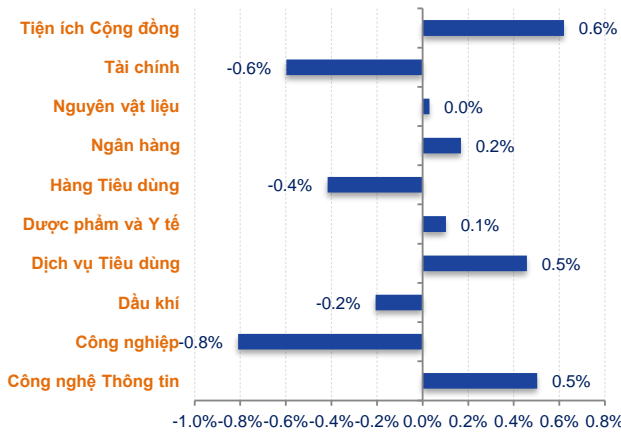
KLGD và VN-Index trong phiên



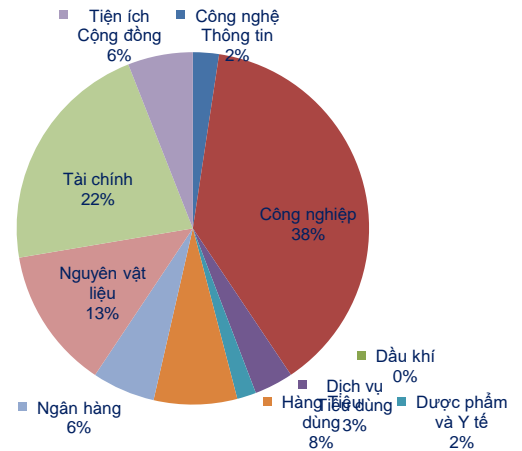
KLGD và HNX-Index trong phiên



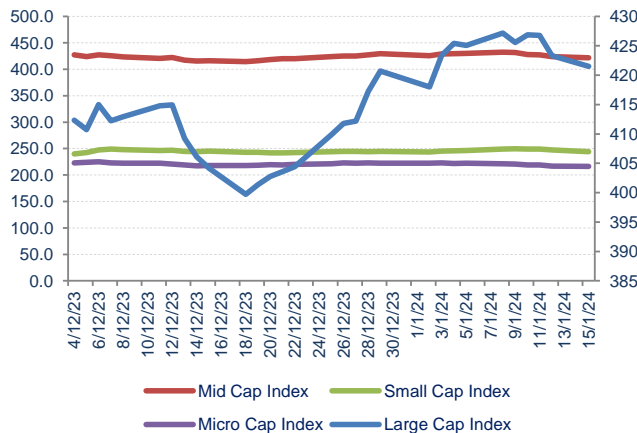
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



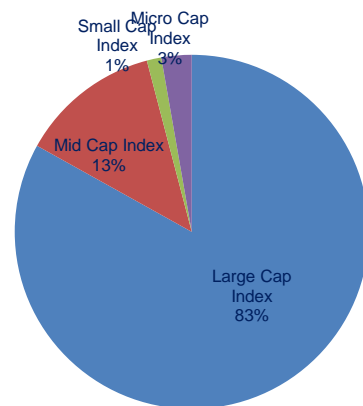
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,018,878	HDG	1,400,900	1	IDC	160,400	CEO	157,100
2	STB	1,937,700	VNM	1,270,622	2	SHS	149,000	PVS	74,678
3	MWG	1,283,700	LPB	1,071,335	3	HUT	122,800	NVB	70,035
4	DXG	1,114,495	VRE	985,200	4	MBG	89,200	DDG	50,000
5	VCG	1,000,800	SSI	524,700	5	SD5	30,100	VCS	47,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.30	12.15	↓ -1.22%	43,806,600	SHS	18.40	18.10	↓ -1.63%	14,676,506
MBB	21.35	21.45	↑ 0.47%	25,636,300	HUT	20.20	19.30	↓ -4.46%	8,205,246
SSI	33.85	33.00	↓ -2.51%	22,246,200	CEO	22.00	21.50	↓ -2.27%	7,223,186
VIX	16.95	16.70	↓ -1.47%	21,280,400	MBG	5.00	5.40	↑ 8.00%	4,382,146
EIB	19.75	19.25	↓ -2.53%	15,032,800	MBS	23.20	22.70	↓ -2.16%	3,581,489

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	8.15	8.72	0.57	↑ 6.99%	KTT	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
RDP	8.75	9.36	0.61	↑ 6.97%	HGM	36.00	39.60	3.60	↑ 10.00%
HAS	6.75	7.22	0.47	↑ 6.96%	GDW	26.50	29.10	2.60	↑ 9.81%
HNA	18.50	19.75	1.25	↑ 6.76%	BED	24.90	27.30	2.40	↑ 9.64%
SFC	23.75	25.30	1.55	↑ 6.53%	NBW	22.50	24.60	2.10	↑ 9.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	30.00	27.90	-2.10	↓ -7.00%	L61	4.00	3.60	-0.40	↓ -10.00%
TNC	64.30	59.80	-4.50	↓ -7.00%	HAT	43.00	38.70	-4.30	↓ -10.00%
ST8	23.00	21.40	-1.60	↓ -6.96%	BBS	13.00	11.70	-1.30	↓ -10.00%
FDC	18.00	16.75	-1.25	↓ -6.94%	TKG	13.30	12.00	-1.30	↓ -9.77%
MDG	14.90	13.90	-1.00	↓ -6.71%	SDU	17.90	16.20	-1.70	↓ -9.50%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	43,806,600	15.9%	2,036	6.0	0.9
MBB	25,636,300	22.4%	4,290	5.0	1.2
SSI	22,246,200	8.9%	1,346	25.2	2.2
VIX	21,280,400	8.2%	1,005	16.9	1.3
EIB	15,032,800	8.3%	1,013	19.5	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,676,506	5.4%	643	28.6	1.5
HUT	8,205,246	0.8%	122	165.9	1.6
CEO	7,223,186	6.7%	955	23.0	1.8
MBG	4,382,146	2.6%	283	17.7	0.5
MBS	3,581,489	10.4%	1,104	21.0	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMA	↑ 7.0%	0.4%	45	182.8	0.7
RDP	↑ 7.0%	5.7%	766	11.4	0.7
HAS	↑ 7.0%	-0.1%	(20)	-	0.4
HNA	↑ 6.8%	9.9%	1,384	13.4	1.3
SFC	↑ 6.5%	17.2%	2,712	8.8	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KTT	↑ 10.0%	-72.0%	(6,950)	-	2.1
HGM	↑ 10.0%	32.3%	5,000	7.2	2.1
GDW	↑ 9.8%	22.0%	4,345	6.1	1.3
BED	↑ 9.6%	18.4%	2,430	10.2	1.8
NBW	↑ 9.3%	13.9%	2,317	9.7	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,018,878	15.7%	3,377	9.3	1.4
STB	1,937,700	17.5%	3,825	7.8	1.3
MWG	1,283,700	3.0%	476	88.0	2.6
DXG	1,114,495	-2.0%	(450)	-	0.9
VCG	1,000,800	2.8%	516	45.8	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	160,400	17.0%	3,177	16.5	3.1
SHS	149,000	5.4%	643	28.6	1.5
HUT	122,800	0.8%	122	165.9	1.6
MBG	89,200	2.6%	283	17.7	0.5
SD5	30,100	3.4%	619	12.1	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	495,752	22.6%	6,013	14.8	3.1
BID	262,220	17.6%	3,450	13.3	2.2
VHM	179,835	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	172,485	19.0%	5,283	14.2	2.8
CTG	169,155	15.7%	3,377	9.3	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,029	0.8%	122	165.9	1.6
PVS	17,589	6.7%	1,846	19.9	1.3
IDC	17,325	17.0%	3,177	16.5	3.1
SHS	14,962	5.4%	643	28.6	1.5
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MHC	2.79	14.1%	1,794	5.1	0.7
NHA	2.62	0.2%	24	679.1	1.6
DC4	2.60	0.2%	26	442.0	1.0
HTN	2.55	-1.2%	(198)	-	0.9
VPG	2.54	-0.5%	(97)	-	0.9

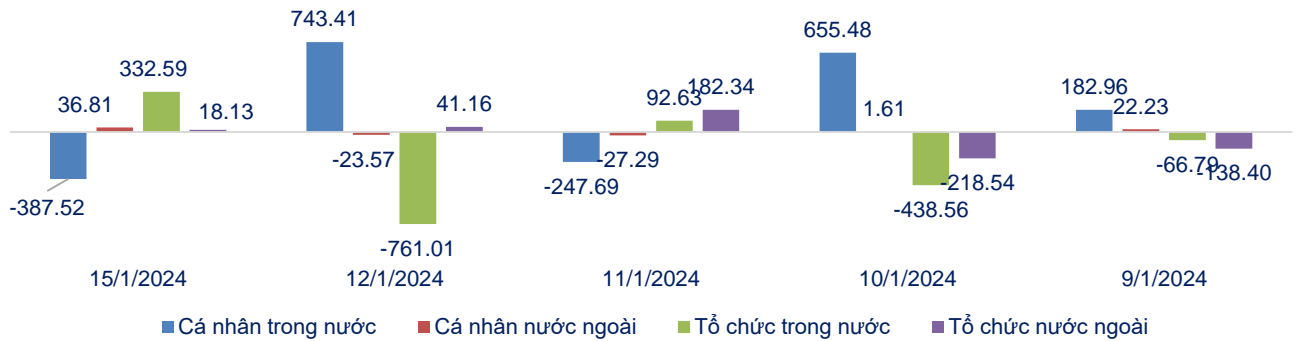
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VGS	2.51	5.3%	939	23.0	1.2
LIG	2.39	0.5%	70	60.1	0.3
VC2	2.32	2.2%	282	35.8	0.8
VC7	2.31	6.2%	575	23.1	1.2
EVS	2.29	5.9%	688	12.1	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	76.66	24.4%	4,029	16.7	4.1
HDG	32.71	9.7%	2,194	11.4	1.1
DBC	30.06	-1.3%	(250)	-	1.3
FRT	22.45	-7.8%	(1,103)	-	7.4
CII	21.97	0.8%	257	70.5	0.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-84.26	15.7%	3,377	9.3	1.4
STB	-74.94	17.5%	3,825	7.8	1.3
FPT	-67.78	22.3%	4,815	19.7	4.2
MWG	-64.83	3.0%	476	88.0	2.6
HPG	-59.97	1.9%	322	84.4	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	33.44	22.3%	4,815	19.7	4.2
MWG	2.67	3.0%	476	88.0	2.6
VSC	1.55	4.3%	1,011	29.0	1.2
VNM	1.19	24.4%	4,029	16.7	4.1
GMD	0.67	25.9%	7,606	9.2	2.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TV2	-1.87	5.6%	1,105	33.5	1.9
VND	-1.64	7.8%	957	22.8	1.7
AST	-1.44	20.5%	2,316	24.6	4.6
VCB	-1.22	22.6%	6,013	14.8	3.1
LPB	-0.81	14.3%	1,669	9.9	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	68.12	22.3%	4,815	19.7	4.2
ACB	52.44	23.8%	3,839	6.7	1.5
VIX	50.17	8.2%	1,005	16.9	1.3
HPG	42.95	1.9%	322	84.4	1.6
VCB	37.40	22.6%	6,013	14.8	3.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	-20.99	0.8%	257	70.5	0.7
DBC	-17.39	-1.3%	(250)	-	1.3
DXG	-14.29	-2.0%	(450)	-	0.9
PDR	-12.74	1.6%	198	139.7	2.2
FUESSVFL	-11.94	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

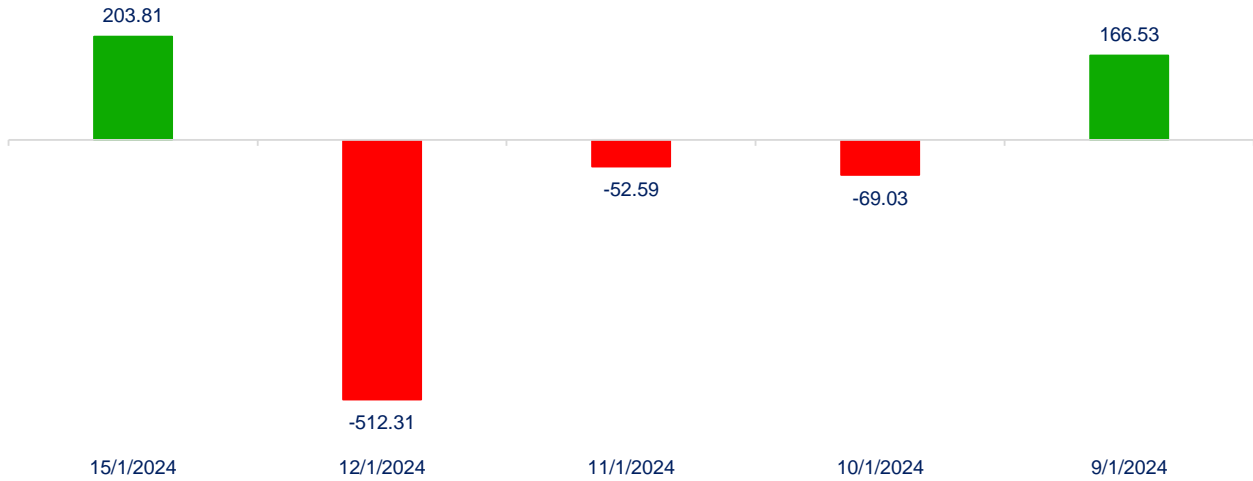
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	63.55	15.7%	3,377	9.3	1.4
STB	57.65	17.5%	3,825	7.8	1.3
MWG	53.30	3.0%	476	88.0	2.6
VCG	24.06	2.8%	516	45.8	1.3
BID	21.83	17.6%	3,450	13.3	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

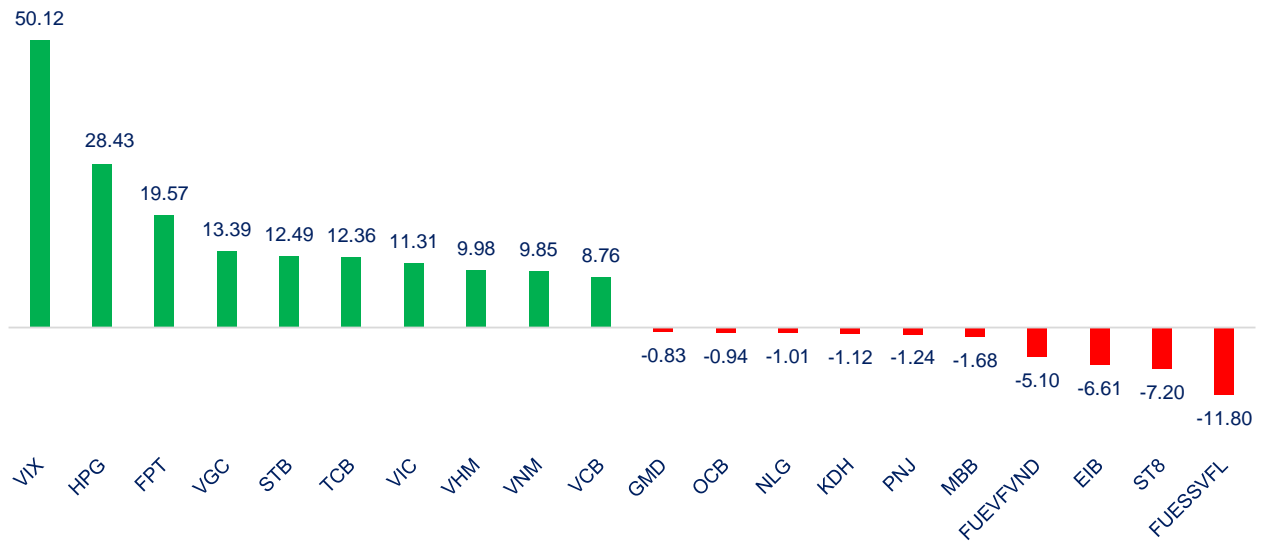
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-86.43	24.4%	4,029	16.7	4.1
HDG	-34.87	9.7%	2,194	11.4	1.1
FPT	-33.77	22.3%	4,815	19.7	4.2
FRT	-22.91	-7.8%	(1,103)	-	7.4
VRE	-22.58	11.8%	1,818	12.7	1.4



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn